TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 708/2024/HS-PT
Ngày: 22 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Mai Xuân Thành

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 487/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C, Nguyễn Duy L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1/Nguyễn Xuân T, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ C2; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2023 đến ngày 13/11/2023; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2/Lâm Văn C, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Tạm trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lâm Văn H và bà Trần Thị B; Có vợ là Nguyễn Thị Thùy L1 và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023 đến ngày 13/9/2023; Bị cáo tại ngoại (xin xét xử vắng mặt).

3/Nguyễn Duy L, sinh năm 1987 tại tỉnh Đắk Nông; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Lái xe Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Minh H1 (đã chết) và bà Trần Thị H2; Có vợ là Nguyễn Thị V và 02 con; Tiền án: Bản án số 331/2020/HS-PT ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 01 năm tù về tội "*Đánh bạc*", chấp hành xong hình phạt ngày 15/01/2022, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2023 đến ngày 19/9/2023; Bị cáo tại ngoại (xin xét xử vắng mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C, Nguyễn Duy L theo yêu cầu: Luật sư Nguyễn Văn K – Đoàn luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- *Bị cáo không có kháng cáo:*

1/Bùi Văn H3, sinh năm 1986 tại thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Tạm trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn L2 (đã chết) và bà Đỗ Thị V1; Có vợ là Nguyễn Thị Y (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2023.

2/Bùi Văn T2, sinh năm 1990 tại thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn I, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; Tạm trú: Đường P, tổ D, khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Bùi Văn P và bà Bùi Thị N; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2023.

(02 bị cáo này không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bùi Văn H4 quen biết với Nguyễn Thế H5, địa chỉ: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, hai bên thường xuyên liên lạc với nhau. Trong thời gian sinh sống tại đây, H4 biết việc trồng cây cần sa mang lại lợi nhuận cao, khoảng cuối tháng 4-2021, Bùi Văn H4 từ Thành phố Hồ Chí Minh về huyện Đ, tỉnh Đắk Nông tìm thuê đất với mục đích trồng cây cần sa, H4 thuê rẫy của anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, với giá 72.000.000 đồng/năm. Để có người phụ giúp, H4 liên lạc thuê Nguyễn Thế H5 lên Đ giúp H4 và nói với H5 trồng cây thảo dược; Mức lương 10.000.000 đồng/tháng, H5 đồng ý.

Khoảng cuối tháng 5/2021, H5 từ Thành phố Hồ Chí Minh lên huyện Đ và đến diện tích đất rẫy Huyên thuê của anh Đ, H4 và H5 tiến hành dọn đất, chặt tre,.. để dựng chòi. Đến ngày 03/6/2021, H4 tiếp tục thuê Nguyễn Mạnh H6, địa

chỉ: Tổ D, thị trấn Đ, huyện Đ cùng làm với H5 và H4; Do biết H4 cần thêm người làm nên H6 gọi điện thoại rủ Lê Thanh T3, địa chỉ: Số D đường N, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh lên Đ làm cho H4, tiền công 300.000 đồng/ngày.

Cũng trong khoảng thời gian này, H4 thuê 01 căn nhà xây diện tích khoảng 100m^2 của 01 người đàn ông (không nhớ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) tại thị trấn Đ, huyện Đ (gần ngã ba B), với giá 1.500.000đồng/ tháng. Sau đó, thông qua mạng xã hội Facebook, Huyên mua 2.700 hạt giống cần sa, với giá 30.000 đồng/hạt mang về căn nhà thuê để ươm trồng. Sau khi hạt giống lên cây, ra rễ khoảng từ 10-15cm; Huyên thuê 01 xe ô tô tải, loại 2,5 tấn của một người đàn ông (không rõ nhân thân,lai lịch) tại thị trấn Đ, huyện Đ (gần trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song) đến chở tất cả các cây giống cần sa về đất rẫy thuê của anh Đ trồng xuống đất. Trước khi trồng, H4 nói với H5 gặp Vũ Khắc C1, địa chỉ: Tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ thuê xe càng của anh C1 chở phân chuồng, bột sỏi, xơ dừa mà H4 đã mua ở huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đang để ở căn nhà thuê về vườn rẫy của anh Đ. Lúc này, H5, H6 và T3 không biết các cây giống này là cây cần sa. Ngày 04/6/2021, H4, H6, H5 và T3 tiếp tục thực hiện các công việc dựng chòi rẫy, trộn phân chuồng, sơ dừa, bột sỏi vào đất chuẩn bị cho việc trồng cây cần sa. Sau khi trộn xong đất, H4, H5 và H6 lấy các cây cần sa được ươm trồng từ các ly nhựa màu trắng sang chậu nhựa màu đen to hơn rồi cho thêm đất đã trộn vào. Trong lúc H5, H6, T3 và H4 đang làm thì H6 và H5 hỏi H4 những cây giống đang trồng là cây gì thì H4 mới nói đó là cây cần sa; Lúc này đã trồng được khoảng 1.000 cây. Ngày 09-6-2021, H6 và T3 tiếp tục đến làm cho H4, chiều cùng ngày H4 trả cho H6 và T3 mỗi người 600.000 đồng. Sau thời gian này, H6 và T3 nghỉ; Việc chăm sóc cây cần sa chỉ có H4 và H5. Sáng ngày 19/6/2021, H4 tiếp tục thuê H6 và T3 cùng 02 người dân tộc thiểu số (chưa rõ nhân thân lai lịch) đi vào khu vực cựu chiến binh thuộc xã N, huyện Đ chặt lồ ô, tre chẻ thành các thanh mang về mở rộng khung giàn trồng cây cần sa. Ngày 20/6/2021, khi cả nhóm đang trồng và chăm sóc cây cần sa thì lực lượng Công an huyện Đ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số cây cần sa. Lúc này Nguyễn Thế H5 và Bùi Văn H4 bỏ trốn; Nguyễn Mạnh H6 và Lê Thanh T3 bị bắt giữ và bị xử lý.

Khoảng tháng 9/2022, Bùi Văn H4 quay lại địa bàn huyện Đ và rủ Nguyễn Xuân T cùng góp tiền, tìm đất tiếp tục trồng cây cần sa. Quá trình trao đổi, bàn bạc, H4 nói với T chi phí cho việc mua hạt giống, dinh dưỡng, chăm sóc,... khoảng 2000 cây cần sa đến khi thu hoạch 300.000.000 đồng, mỗi người góp 150.000.000 đồng; T đồng ý. Sau đó, T gọi Lâm Văn C và Nguyễn Duy L cùng với T trồng và chăm sóc cây cần sa, C và L đồng ý; H4 thuê Bùi Văn T4 đến ăn, ở chăm sóc cây cần sa cho H4. Sau khi thống nhất xong, H4 nói T chuyển cho H7 số tiền 5.000.000 đồng để H4 đặt cọc mua hạt giống; T đồng ý và ngày 28/9/2022, T chuyển vào số tài khoản 2105205227420 của anh Vũ Văn H8, địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng (Huyên nhờ số tài khoản của Hội để nhận tiền). Ngày 05/10/2022 và ngày 14/10/2022, T tiếp tục

chuyển cho H4 tổng cộng số tiền 145.000.000 đồng vào số tài khoản của Bùi Văn T4 5300205933086; T4 chuyển lại cho H4.

Khoảng cuối tháng 10/2022, thông qua mạng xã hội H4 đặt mua 1.000 hạt giống cây cần sa; H4 và T thống nhất mang về nhà kho của bố mẹ T tại thôn X, xã Đ, huyện Đ để ươm hạt thành cây. Trong thời gian ươm 1.000 hạt giống này tại nhà kho, đến khoảng giữa tháng 11/2022, H9 tiếp tục đặt mua 1.000 hạt giống, sau đó cũng tiến hành ươm tại nhà kho của bố mẹ T. Thời gian ươm khoảng 10 ngày đến 15 ngày, lúc này cây ra rễ, cao khoảng 10-15cm thì T4, C, H4 và L mang ra rẫy của ông Huỳnh Công T5 (đã bỏ đi khỏi địa phương, gần sát rẫy của Lâm Văn C) tại thôn H, xã Đ, huyện Đ trồng xuống đất. Quá trình chăm sóc, H4 tiếp tục chiết từ các cây này để mở rộng thêm số lượng. Ngày 17/01/2023, khi H4 và T4 đang chăm sóc cây cần sa thì Công an huyện Đ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số cây cần sa và các đồ vật khác có liên quan.

Bản kết luận giám định số 102/KLMT-PC09 ngày 28/6/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Số lượng 2.613 cây xanh, lá hình mác nhọn, mép lá hình răng cưa được niêm phong trong 02 thùng xốp gửi giám định đều là cây cần sa.

- Lá cây hình mác nhọn, mép lá hình răng cưa đựng trong 01 bịch nilon màu trắng được niêm phong trong 01 thùng catton gửi giám định đều là lá cây cần sa; có khối lượng mẫu là 1,9847kg; H10 lại sau giám định có khối lượng 1,8367kg.

- H11, quả khô được niêm phong trong 01 bì thư có viền xanh gửi giám định là hoa, quả cây cần sa; có khối lượng mẫu là 4,7370gam; H10 lại sau giám định có khối lượng là 3,6162gam.

Bản kết luận giám định số 21/KL-KTHS ngày 21/01/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: 3.187 cây xanh có thân, rễ, cành, lá hình mác nhọn, mép lá hình răng cưa được niêm phong trong 10 thùng giấy catton được đánh số từ 01 đến 10 và 01 thùng xốp màu trắng gửi giám định đều chứa chất ma túy, là cần sa.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2024/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn H4, Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C, Nguyễn Duy L và Bùi Văn T4 phạm tội "Trồng cây cần sa".

1/Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 247; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Văn H4 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/01/2023.

2/Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 247; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Xuân T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 17/3/2023 đến ngày 13/11/2023.

3/Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 247; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lâm Văn C 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, dược trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023 đến ngày 13/9/2023.

4/Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 247; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Duy L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2023 đến ngày 19/9/2023.

5/Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 247; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Văn T4 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/3/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2024 các bị cáo Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C và Nguyễn Duy L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt; Các bị cáo Lâm Văn C và Nguyễn Duy L xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội; Các bị cáo C, L xin xét xử vắng mặt. Tội danh và hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là có căn cứ. Đối với chứng cứ bị cáo T cung cấp tại cấp phúc thẩm về việc bị cáo có phối hợp với cơ quan điều tra để phá án thì không được đưa vào nhận định trong bản án sơ thẩm, không có xác nhận của cơ quan công an nên chưa đủ căn cứ để xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của 03 bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo phát biểu: Luật sư đồng ý về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, nhưng xin Hội đồng xét xử xem xét về hình phạt các bị cáo vì: Các bị cáo có cung cấp tài liệu chứng minh những việc có ích cho xã hội của các bị cáo đã làm; Ngoài ra trong số lượng cây cần sa đã trồng có 700

cây bị cáo H4 trồng riêng ở Long An, sau đó vận chuyển về Đắk Nông, mà không có bàn bạc với các bị cáo còn lại, xin xem xét số lượng theo hướng có lợi cho các bị cáo.

Mặc dù, đơn xác nhận của bị cáo T cung cấp tại cấp phúc thẩm thể hiện bị cáo có giúp ích cho cơ quan công an phá án vụ án ma túy, chỉ có chữ ký mà thiếu nội dung xác nhận của cơ quan công an là lỗi khách quan, bị cáo sẽ bổ sung khắc phục, xin Hội đồng xét xử xem xét công nhận chứng cứ mới này, và chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho cả 03 bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Vào khoảng tháng 5/2021, tại thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Bùi Văn H4 thuê Nguyễn Thế H5, Nguyễn Mạnh H6 và Lê Thanh T3 dựng chòi rẫy, làm đất, trộn phân,... trồng 2.613 cây xanh. Ngày 20/6/2021, Công an huyện Đ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ 2.613 cây xanh, lá hình mác nhọn, mép lá hình răng cưa gửi giám định đều là cây cần sa.

Tháng 10/2022, Bùi Văn H4 tiếp tục thỏa thuận và thống nhất với Nguyễn Xuân T cùng nhau góp số tiền 300.000.000 đồng mua hạt giống cây cần sa mang về rẫy của ông Huỳnh Công T5 tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ươm trồng. T và H4 rủ và thuê Lâm Văn C, Nguyễn Duy L và Bùi Văn T4 cùng tham gia vào việc trồng, chăm sóc, thu hoạch cây cần sa. Ngày 17/01/2023, Công an huyện Đ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ 3.187 cây xanh; Kết quả giám định 3.187 cây xanh có thân, rễ, lá hình mác nhọn, mép lá hình răng cưa đều chứa chất ma túy, là cần sa.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C, Nguyễn Duy L, Bùi Văn T4 phạm tội "Trồng cây cần sa" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 247 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo có bàn bạc, trao đổi về việc trồng cây cần sa. Vụ án có tính chất đồng phạm nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về toàn bộ số 3.187 cây cần sa bị bắt quả tang. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử hành vi các bị cáo phạm tội theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 247 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các cây có chứa chất

ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đây cũng là tiền đề gây ra các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi "Trồng cây cần sa" là vi phạm pháp luật (riêng bị cáo H4 lần phạm tội này đã lần thứ 2), nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm. Khi xem xét quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với các bị cáo là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C và Nguyễn Duy L:

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò khác nhau, cụ thể: Bùi Văn H4 (đã từng phạm tội và bỏ trốn) là người giữ vai trò quan trọng, tích cực nhất trong việc liên hệ mua hạt giống cần sa và thuê người trồng. Huyên thỏa thuận cùng Nguyễn Xuân T góp tiền mua hạt giống cần sa về trồng, và thuê các bị cáo khác trồng cây cần sa. Vì vậy, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự chung đối với toàn bộ 3.187 cây cần sa bị bắt quả tang như kết luận của Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, trong số đó có 700 cây cần sa (số lượng cây làm cho các bị cáo bị truy tố từ khoản 1 lên khoản 2 Điều 247 Bộ luật hình sự) là do H4 tự chuyển từ Long An về Đắk Nông mà các bị cáo T, C, L không biết. Đối với số lượng 700 cây cần sa này thì các bị cáo T, C, L thực hiện hành vi phạm tội trong trường hợp thụ động. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét yếu tố này khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo T, C, L. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T có cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo đã cung cấp nguồn tin tố giác tội phạm cho cơ quan chức năng, có chữ ký đóng dấu của công an địa phương, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo có kháng cáo để đảm bảo việc phân hóa khi xem xét áp dụng hình phạt giữa các bị cáo trong cùng vụ án, và thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Bùi Văn T4, thì sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về phần hình phạt đối với bị cáo. Tuy vậy, bị cáo chỉ là người làm thuê, được bị cáo H4 và T thuê trồng cây cần sa. Hành vi phạm tội của bị cáo là tương tự, cùng mức độ vai trò với bị cáo C, L. Với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo T4 thì mức hình phạt 03 năm 09 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo C, L nên căn cứ Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự về việc xem xét các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, để giảm hình phạt đối với bị cáo T4 (tương đương như các bị cáo khác) cho đảm bảo tính công bằng về mức hình phạt giữa các bị cáo có cùng tính chất, mức độ hành vi phạm tội.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với đối với các bị cáo theo nội dung nhận định trên.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

I nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C và Nguyễn Duy L;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 14/2024/HS-ST ngày 29-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C, Nguyễn Duy L và Bùi Văn T4.

1/Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C, Nguyễn Duy L và Bùi Văn T4 phạm tội "Trồng cây cần sa".

1.1/Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 247; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Xuân T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 17/3/2023 đến ngày 13/11/2023.

1.2/Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 247; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lâm Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2023 đến ngày 13/9/2023.

1.3/Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 247; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Duy L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2023 đến ngày 19/9/2023.

1.4/Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 247; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Văn T4 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/3/2023.

2/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối

với bị cáo Bùi Văn H4; Biện pháp tư pháp và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Lâm Văn C, Nguyễn Duy L không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Đắk Nông (8);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- TTG công an tỉnh Đắk Nông;
(Tống đạt cho bc Tuấn)
- BCTN (3);
- Lưu (10) 29b (ÁnTTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên